



BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, (nay là các xã: Xuân Hoa, Xuân Lộc, Xuân Phú, Xuân Đông, Cẩm Mỹ, Xuân Đường), đoạn qua địa bàn xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (Đợt 10)
(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Cẩm Mỹ)

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất hỗ trợ (m2)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Nông nghiệp							
			Tổng	Đất CLN	Đất HNK					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	8/61D, Khu phố 10, Phường Hồ Nai, Thành phố Đồng Nai	531,1	531,1				358.492.500	-	358.492.500
2	Ông Thông Chủ Phóng	phường Hàng Gòn, thành phố Đồng Nai	5.124,8	5.124,8				1.537.440.000	-	1.537.440.000
3	Bà Phạm Quế Trinh	E8, tổ 9, Khu phố 7, Phường Trần Biên, Thành phố Đồng Nai	568,2	568,2				247.167.000	-	247.167.000
4	Ông Nguyễn Kim Hòa	123/4 Khu phố Bình Đa, Phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai	157,0	157,0				61.465.500	4.000.000	65.465.500
5	Ông Nguyễn Văn Hiền	phường Hàng Gòn, thành phố Đồng Nai	559,6	559,6				219.083.400	4.000.000	223.083.400

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất hỗ trợ (m2)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Nông nghiệp							
			Tổng	Đất CLN	Đất HNK					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Ông Vũ Tiến Hà	18/9, Tô 7A, Khu phố Long Đức, phường Tam Phước, Thành	1.451,8	1.451,8				783.972.000	-	783.972.000
7	Bà Trần Thị Thanh Nhân	xã Sông Ray, Thành phố Đồng Nai	1.512,6	1.512,6				816.804.000	-	816.804.000
8	Bà Trần Ngọc Liễu	96A Nguyễn Xuân Khoát, Phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Thành phố Hồ Chí Minh	2.392,4	1.789,3	603,1			936.624.600	-	936.624.600
9	Ông Nguyễn Văn Thêm	phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh	1.411,7	1.411,7				667.028.250	-	667.028.250
10	Ông Nguyễn Tuấn Bình và ông Nguyễn Tuấn Thanh (nhận thừa kế của hộ ông Nguyễn Văn Thời)	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai.	4.949,1	4.949,1			6.840.000	1.720.282.320	-	1.727.122.320
11	Ông Vũ Mạnh Hùng; bà Trần Thị Tình	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	-			17.539.260			-	17.539.260

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất hỗ trợ (m2)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Nông nghiệp							
			Tổng	Đất CLN	Đất HNK					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Ông Lê Quang Vĩnh; bà Trần Thị Thủy	Ấp Tân Hạnh, xã Xuân Định, Thành phố Đồng Nai	30,1	30,1				22.575.000	-	22.575.000
13	Ông Bùi Đức Hải	ấp Tân Hạnh, xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai	4.056,0	4.056,0				3.042.000.000	-	3.042.000.000
14	Hộ ông Nguyễn Văn Dũng	Ấp Xuân Bảo, xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai	3.471,9	3.471,9				1.326.480.300	-	1.326.480.300
15	Bà Vòng Cẩm Thòng; bà Trần Phương Nghi	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2.186,4	2.186,4				521.456.400	-	521.456.400
16	Ông Chắt Hiền Sĩ	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2.556,8	2.556,8				690.336.000	-	690.336.000
17	Ông Phòng Và Bầu; ông Phòng Ngọc Dương	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, Thành phố Đồng Nai	1.889,5	1.889,5				485.909.820	-	485.909.820

ST T	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất hỗ trợ (m2)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Nông nghiệp							
			Tổng	Đất CLN	Đất HNK					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Ông Sỳ Say Sương; ông Sỳ Say Cường	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	5.593,7	5.593,7				1.258.582.500	-	1.258.582.500
19	Bà Trần Thị Như Hoa	Phường Hàng Gòn, thành phố Đồng Nai	918,9	918,9				1.006.195.500	-	1.006.195.500
20	Bà Nguyễn Thị Hương	Ấp 5, xã Xuân Đông, Thành phố Đồng Nai	9.016,8	9.016,8				4.733.820.000		4.733.820.000
Cộng (I+II):			48.378,4	47.775,3	603,1	17.539.260	6.840.000	20.435.715.090	8.000.000	20.468.094.350
1. Tiền bồi thường, hỗ trợ										20.460.094.350
2. Thưởng di dời										8.000.000
3. Tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng di dời: 1+2										20.468.094.350
4. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường: 1 x 3,5%										716.103.302
4.1. Chi phí cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc: 4 x 85%										608.687.807
4.2. Chi phí cho UBND xã Cẩm Mỹ: 4 x 15%										107.415.495
Tổng cộng (3+4):										21.184.197.652